

Bản án số: 02/2019/KDTM-PT
Ngày 27- 02 - 2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Tuyến

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn

Bà Từ Thị Hải Dương

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thúy Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2018/TLPT - KDTM ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM- ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 125/2019/QĐ-PT ngày 12/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N. Địa chỉ: Số 02 đường L, phường T, quận B, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng thành viên, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Thanh D – Giám đốc Ngân hàng N, Chi nhánh huyện M; Theo quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/06/2014. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Thanh D : Ông Tạ An N – Trưởng phòng KHKD Ngân hàng N, Chi nhánh huyện M; Địa chỉ: Tiểu khu 7, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình; Theo văn bản Ủy quyền số: 14/NHNO-MH ngày 03/01/2018. Có mặt.

- *Bị đơn:* Doanh nghiệp tư nhân T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Văn T – Giám đốc doanh nghiệp. Địa chỉ: Tiểu khu 6, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị M, sinh năm 1960, địa chỉ: Tiểu khu 6, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng N trình bày:

Ngày 30/5/2014 Doanh nghiệp tư nhân T, người đại diện theo pháp luật là ông Hà Văn T có vay tại Ngân hàng N, Chi nhánh huyện M theo hợp đồng tín dụng số LAV 201400554/HĐTD số tiền vay 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng). Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua các mặt hàng vật liệu xây dựng, chi phí lưu động kinh doanh vận tải hàng hóa với thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất 9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; hạn trả gốc kỳ cuối ngày 30/5/2015, trả lãi hàng tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay của Doanh nghiệp tư nhân T, giữa ông Hà Văn T và bà Trần Thị M với Ngân hàng N đã ký kết các hợp đồng thế chấp tài sản sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LCL21/2014-QĐ/HĐTC ngày 29/05/2014, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 923980 do UBND huyện M, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 25/02/2009 mang tên ông Hà Văn T và bà Trần Thị M đối với thửa đất số 06, tờ bản đồ số 17, diện tích 283m² tại Tiểu khu 6, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình; tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 02 tầng, giầm móng trụ thép kiên cố, đổ bằng, mái ngói chống thấm, diện tích sử dụng 700m².

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LCL 22/2014-QĐ/HĐTC ngày 29/05/2014, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 042153 do UBND huyện M, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 15/03/2010 mang tên ông Hà Văn T và bà Trần Thị M đối với thửa đất số 162, tờ bản đồ số 02, diện tích 280m² tại Tiểu khu 1, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số LCL23/2014-QĐ/HĐTC ngày 29/05/2014, tài sản thế chấp là 01 xe ô tô tải nhãn hiệu IFA, BKS 73L-2119 và 01 máy đào bánh xích hiệu SUMITOMOS 260F.

Hiện nay các tài sản gồm: Thửa đất số 162, tờ bản đồ số 02, diện tích 280m² tại Tiểu khu 1, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình, 01 xe ô tô tải nhãn hiệu IFA, BKS 73L-2119 và 01 máy đào bánh xích hiệu SUMITOMOS 260F đã được bán để trả nợ cho Ngân hàng N, Chi nhánh huyện M. Hiện chỉ còn 01 tài sản thế chấp là Thửa đất số 06, tờ bản đồ số 17, diện tích 283m² tại Tiểu khu 6, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 02 tầng.

Trong thời gian vay vốn Doanh nghiệp tư nhân T không chấp hành nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo quy định, vi phạm các thỏa thuận đã ký tại hồ sơ vay vốn, để nợ quá hạn dài ngày (thuộc nhóm nợ xấu). Dư nợ gốc tính đến ngày 31/10/2018 là 1.471.800.000đ (Một tỷ bốn trăm bảy mươi một triệu tám trăm nghìn đồng) và số tiền lãi tính đến ngày 31/10/2018 là 767.279.550đ (Bảy trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm năm mươi đồng).

Vì vậy Ngân hàng N ủy quyền cho Ngân hàng N Chi nhánh huyện M khởi kiện buộc doanh nghiệp tư nhân T phải thanh toán toàn bộ số tiền đã vay tại

ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số LAV 201400554/HĐTD là 2.239.079.550 đồng. Trong đó dư nợ gốc là 1.471.800.000đ và phần lãi phát sinh tính đến ngày 31/10/2018 là 767.279.550đ.

Về phía bị đơn, người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp tư nhân T là ông Hà Văn T trình bày như sau: Ngày 30/5/2014 Doanh nghiệp tư nhân T đã vay tại Ngân hàng N Chi nhánh huyện M số tiền 1.800.000.000 đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số LAV 201400554/HĐTD với mục đích thanh toán tiền mua các mặt hàng vật liệu xây dựng, chi phí lưu động kinh doanh vận tải hàng hóa. Nhưng do doanh nghiệp làm ăn thua lỗ nên không có tiền trả cho ngân hàng. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả số nợ vay và lãi phát sinh, đề nghị ngân hàng giải quyết thế nào cho gia đình ông được giữ lại ngôi nhà để ở.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M trình bày: Ngày 29/5/2014 bà và ông Hà Văn T có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LCL 21/2014-QĐ-HĐTC và hợp đồng thế chấp tài sản số 23/2014-QĐ/HĐTC để vay vốn ngân hàng, gia đình bà đã cố gắng nhưng không thể trả nổi số tiền đã vay.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã quyết định: Áp dụng Điều 158, 164, 166, 299, 321 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015 tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.
- Buộc Doanh nghiệp tư nhân T phải trả số tiền đã vay tại Ngân hàng N chi nhánh huyện M số tiền cả gốc và lãi (tính đến ngày 31/10/2018) là 2.239.079.550 đồng. Trong đó dư nợ gốc là 1.471.800.000đ và phần lãi phát sinh tính đến ngày 31/10/2018 là 767.279.550đ.
- Ngân hàng N có quyền bán các tài sản mà bị đơn đã thế chấp là quyền sử dụng 283m² đất ở tại Tiểu khu 6, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 923980 do UBND huyện M cấp ngày 25/02/2009 và ngôi nhà được xây dựng trên mảnh đất nói trên.
- Về án phí: Doanh nghiệp tư nhân T phải chịu 76.781.591đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ngân hàng N chi nhánh huyện M được hoàn trả lại số tiền án phí đã nộp là 33.000.000đ.

Kể từ ngày bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/11/2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành Quyết định số 2910/QĐKNPT-VKS-KDTM về việc kháng nghị đối với Bản án sơ thẩm số 01/2018/ST-KDTM ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện

Minh Hóa theo hướng hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Trước khi mở phiên tòa, vào ngày 25/02/2019 các bên đương sự đã thỏa thuận một số nội dung liên quan vụ án như sau:

Về khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số LAV 201400554/HĐTD ngày 30/5/2014 tính đến ngày xét xử, Doanh nghiệp tư nhân T còn nợ Ngân hàng N Chi nhánh huyện M số tiền 2.239.079.550 đồng. Trong đó dư nợ gốc là 1.471.800.000đ và phần lãi phát sinh tính đến ngày 31/10/2018 là 767.279.550đ. Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM- ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa xử buộc Doanh nghiệp tư nhân T trả nợ số tiền 2.239.079.550 đồng là đúng.

Hai bên thỏa thuận Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm có hiệu lực về phần giải quyết nợ tại hợp đồng tín dụng. Riêng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, hai bên thỏa thuận phía Ngân hàng N rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Ngân hàng N có quyền khởi kiện một vụ kiện khác để yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nếu Doanh nghiệp tư nhân T không có phương án khác để trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn, bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự đối với các nội dung đã được ghi nhận theo biên bản thỏa thuận lập ngày 25/02/2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử ở cấp phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của các đương sự như nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị số: 2910/QSSKNPT-VKS-KDTM ngày 27/11/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình và chấp nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự. Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất chậm trả và căn cứ pháp luật áp dụng, hủy và đình chỉ phần quyết định về xử lý tài sản thế chấp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình có kháng nghị.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình nằm trong hạn luật định và hợp lệ theo quy định tại Điều 278, 279, 280 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng nghị tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 2910/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 27/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Đối với kháng nghị cho rằng: việc Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa tuyên Ngân hàng N có quyền bán các tài sản mà bị đơn đã thế chấp là quyền sử dụng 283m² đất ở tại Tiểu khu 6, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình và ngôi nhà được xây dựng trên mảnh đất nói trên là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Xét thấy, Hợp đồng tín dụng số LAV 201400554/HĐTD giữa Ngân hàng N Chi nhánh huyện M với Doanh nghiệp tư nhân T được ký kết ngày 30/5/2014 là trên cơ sở tự nguyện, không bị đe dọa hay có sự ép buộc nào, do các cá nhân có đầy đủ tư cách đại diện và năng lực hành vi dân sự giao kết. Nội dung và điều khoản của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Các đương sự cũng không tranh chấp gì về nội dung và điều khoản của hợp đồng. Do đó, xác định hợp đồng tín dụng số LAV 201400554/HĐTD có hiệu lực thi hành đối với các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Doanh nghiệp tư nhân T không chấp hành nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo quy định, vi phạm Điều 6 Hợp đồng tín dụng số LAV 201400554/HĐTD, để nợ quá hạn dài ngày (thuộc nhóm nợ xấu). Do đó, Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc Doanh nghiệp tư nhân T phải trả số tiền đã vay là có căn cứ.

Về xử lý tài sản thế chấp, tại Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số LAV 201400554/HĐTD ghi rõ *“Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bên B đối với bên A phát sinh từ hợp đồng này (bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và phí phát sinh, nếu có) được đảm bảo bằng các tài sản tại các hợp đồng thế chấp...”*. Căn cứ thỏa thuận tại Điều 8 của Hợp đồng tín dụng thì nghĩa vụ trả nợ của Doanh nghiệp tư nhân T gắn liền với việc xử lý tài sản bảo đảm cho khoản tiền vay. Việc án sơ thẩm tuyên cho Ngân hàng N có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Doanh nghiệp tư nhân T để thực hiện nghĩa vụ trả nợ là biện pháp đảm bảo thực hiện nghĩa vụ mà không ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu tuy nhiên cách tuyên phần xử lý tài sản thế chấp như án sơ thẩm là không chính xác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Doanh nghiệp tư nhân T, bà Trần Thị M và Ngân hàng N đã thỏa thuận được với nhau về việc xử lý tài sản thế chấp. Theo đó các bên thỏa thuận phía Ngân hàng N rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Ngân hàng N có quyền khởi kiện một vụ kiện khác để yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nếu Doanh nghiệp tư nhân T không có phương án khác để trả nợ. Xét thấy sự thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận sự thỏa thuận tự nguyện của các bên đương sự để hủy và đình chỉ phần xử lý tài sản thế chấp mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên. Bản án sơ thẩm không có lỗi trong việc hủy và đình chỉ giải quyết yêu cầu này.

[2.2]. Đối với nội dung kháng nghị về việc tuyên lãi suất chậm trả sau khi bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là không đúng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Vì căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định lãi suất của hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng được thực hiện theo thỏa thuận mà không theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên lãi suất chậm trả sau khi bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm (01/11/2018) cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng để trả cho bên được thi hành án. Như vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.3]. Đối với nội dung kháng nghị cho rằng Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa không phân tích đánh giá, nhận định, viện dẫn căn cứ pháp luật về nội dung tranh chấp đối với Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản và phần án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Phần quyết định không căn cứ các quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật thương mại năm 2005, Luật đất đai năm 2013, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2010 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là vi phạm tổ tụng về cách ghi bản án theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao. Xét thấy, theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2017/NQ - HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Ban hành một số biểu mẫu trong tố tụng dân sự thì bản án cần được ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào Bộ luật dân sự 2015 trong vụ án này là vi phạm cần sửa chữa và rút kinh nghiệm.

[3] Về án phí sơ thẩm: Doanh nghiệp tư nhân T phải chịu 76.781.591đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ngân hàng N Chi nhánh huyện M được hoàn trả lại số tiền án phí đã nộp là 33.000.000đ.

[4] Về án phí phúc thẩm: các bên đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình và sự

thỏa thuận của Doanh nghiệp tư nhân T, bà Trần Thị M và Ngân hàng N để sửa án sơ thẩm:

1. Áp dụng Điều 158, 164, 166, 299, 321 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 306 Luật thương mại năm 2005; Khoản 2 Điều 91; Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 166, 167, 179 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc Doanh nghiệp tư nhân T phải trả số tiền đã vay tại Ngân hàng N Chi nhánh huyện M số tiền cả gốc và lãi (tính đến ngày 31/10/2018) là 2.239.079.550 đồng (hai tỷ hai trăm ba mươi chín triệu không trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm năm mươi đồng). Trong đó dư nợ gốc là 1.471.800.000đ (Một tỷ bốn trăm bảy mươi một triệu tám trăm nghìn đồng) và phần lãi phát sinh là 767.279.550đ (Bảy trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm năm mươi đồng). Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm (01/11/2018) cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LAV 201400554/HĐTD ngày 30/5/2014 để trả cho bên được thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Hủy và đình chỉ phần quyết định về xử lý tài sản thế chấp. Ngân hàng N có quyền khởi kiện một vụ kiện khác để yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nếu Doanh nghiệp tư nhân T không có phương án khác để trả nợ.

3. Về án phí sơ thẩm: Doanh nghiệp tư nhân T phải chịu 76.781.591 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ngân hàng N Chi nhánh huyện M được hoàn trả lại số tiền án phí là 33.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0004002 ngày 12/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa.

4. Về án phí phúc thẩm: các bên đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (27/2/2019).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Nguyễn Hữu Tuyên